

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2012/NQ-HĐTP

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba
“Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm”
của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự**

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Để thi hành đúng và thống nhất các quy định tại Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 29 tháng 3 năm 2011 (sau đây viết tắt là BLTTDS);

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS nhằm đảm bảo thi hành đúng và thống nhất Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm” của BLTTDS.

Điều 2. Người có quyền kháng cáo quy định tại Điều 243 của BLTTDS

1. Đối tượng mà đương sự, người đại diện của đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm bao gồm: bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

2. Đương sự là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải

ghi họ, tên, địa chỉ của đương sự có kháng cáo. Đồng thời, ở phần cuối đơn kháng cáo, đương sự đó phải ký tên hoặc điểm chỉ.

3. Đương sự là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi không mất năng lực hành vi dân sự, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự đã tham gia lao động theo hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự bằng tài sản riêng của mình là đương sự trong vụ án về tranh chấp có liên quan đến hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự đó có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của đương sự có kháng cáo. Đồng thời, ở phần cuối đơn kháng cáo, đương sự đó phải ký tên hoặc điểm chỉ.

4. Đương sự được hướng dẫn tại khoản 2 và khoản 3 Điều này nếu không tự mình kháng cáo, thì có thể ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo, trừ kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về ly hôn. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền có kháng cáo; họ, tên, địa chỉ của đương sự ủy quyền kháng cáo và văn bản ủy quyền. Đồng thời, ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

5. Đương sự là cơ quan, tổ chức có quyền kháng cáo. Người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức đó có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi tên, địa chỉ của đương sự là cơ quan, tổ chức; họ, tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức. Đồng thời, ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo pháp luật phải ký tên và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền cho người khác đại diện cho cơ quan, tổ chức kháng cáo, thì tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền kháng cáo; tên, địa chỉ của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền; họ, tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức đó và văn bản ủy quyền. Đồng thời, ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

6. Người đại diện theo pháp luật của đương sự là người chưa thành niên (trừ trường hợp được hướng dẫn tại khoản 3 Điều này), người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật; họ, tên, địa chỉ của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Đồng thời, ở phần cuối đơn kháng cáo, người kháng cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo, thì tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền; họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền; họ, tên, địa chỉ của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Đồng thời, ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

7. Cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 162 của BLTTDS là người đại diện theo pháp luật trong tổ tụng dân sự của người được bảo vệ. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức và họ, tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó; họ, tên, địa chỉ của người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ. Đồng thời, ở phần cuối đơn, người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó.

8. Việc ủy quyền được hướng dẫn tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này phải được làm thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp, trừ trường hợp văn bản ủy quyền đó được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc cán bộ Tòa án được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung đương sự ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Điều 3. Đơn kháng cáo quy định tại Điều 244 của BLTTDS

1. Để bảo đảm cho việc làm đơn kháng cáo đúng và thống nhất, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu người kháng cáo làm đơn kháng cáo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này. Tòa án cấp sơ thẩm phải niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân mẫu đơn kháng cáo và hướng dẫn sử dụng mẫu đơn kháng cáo.

2. Việc nhận đơn kháng cáo và xử lý đơn kháng cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm.

a) Tòa án cấp sơ thẩm phải có sổ nhận đơn kháng cáo để ghi ngày, tháng, năm nhận đơn kháng cáo làm căn cứ xác định ngày kháng cáo;

b) Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục nhận đơn kháng cáo như sau:

b1) Trường hợp người kháng cáo trực tiếp nộp đơn kháng cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm, thì Tòa án cấp sơ thẩm ghi ngày, tháng, năm người kháng cáo nộp đơn vào sổ nhận đơn kháng cáo. Ngày kháng cáo được xác định là ngày nộp đơn kháng cáo;

b2) Trường hợp người kháng cáo gửi đơn kháng cáo đến Tòa án cấp sơ thẩm qua bưu điện, thì Tòa án phải ghi ngày, tháng, năm nhận đơn kháng cáo do bưu điện chuyển đến và ngày, tháng, năm người kháng cáo gửi đơn theo ngày, tháng,

năm có dấu bưu điện nơi gửi đơn vào sổ nhận đơn. Phong bì có dấu bưu điện phải được đính kèm đơn kháng cáo. Ngày kháng cáo được xác định là ngày có dấu bưu điện nơi gửi đơn.

Trường hợp không có hoặc không xác định được ngày, tháng, năm theo dấu bưu điện nơi gửi trên phong bì, thì Tòa án phải ghi chú trong sổ nhận đơn và vào góc bên trái của đơn kháng cáo là “không xác định được ngày, tháng, năm”. Trường hợp này, ngày kháng cáo được xác định là ngày Tòa án nhận được đơn. Khi kiểm tra đơn kháng cáo, nếu thấy đơn kháng cáo này quá hạn thì Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu người kháng cáo trình bày rõ lý do bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 246 của BLTTDS và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết này. Nếu đơn kháng cáo đúng hạn quy định tại Điều 245 của BLTTDS, thì Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành các thủ tục quy định tại Điều 248 của BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 7 của Nghị quyết này;

b3) Tòa án phải ghi (hoặc đóng dấu nhận đơn kháng cáo có ghi) ngày, tháng, năm nhận đơn vào góc trên bên trái của đơn kháng cáo.

c) Khi nhận được đơn kháng cáo do Tòa án cấp phúc thẩm chuyển đến, theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này, Tòa án cấp sơ thẩm phải kiểm tra xem đã nhận được đơn kháng cáo có cùng nội dung do cùng người kháng cáo gửi đến chưa để xử lý như sau:

c1) Trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận được đơn kháng cáo có nội dung trùng với nội dung đơn kháng cáo do Tòa án cấp phúc thẩm chuyển đến, thì Tòa án cấp sơ thẩm ghi chú vào đơn kháng cáo đó và đính kèm với đơn kháng cáo đã nhận để lưu vào hồ sơ vụ án;

c2) Trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm chưa nhận được đơn kháng cáo hoặc đã nhận được đơn kháng cáo, nhưng một phần hoặc toàn bộ nội dung kháng cáo khác với nội dung kháng cáo do Tòa án cấp phúc thẩm chuyển đến, thì Tòa án cấp sơ thẩm ghi ngày, tháng, năm nhận đơn kháng cáo do Tòa án cấp phúc thẩm chuyển đến và ngày, tháng, năm nhận đơn kháng cáo theo ngày, tháng, năm mà Tòa án cấp phúc thẩm ghi ở góc trên bên trái của đơn kháng cáo vào sổ nhận đơn. Trong trường hợp này, việc xác định ngày kháng cáo được thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm b1 và b2 điểm b khoản 2 Điều này.

3. Việc nhận đơn kháng cáo và xử lý đơn kháng cáo tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Trường hợp người kháng cáo trực tiếp nộp đơn kháng cáo tại Tòa án cấp phúc thẩm hoặc gửi đơn kháng cáo đến Tòa án cấp phúc thẩm qua bưu điện, thì khi nhận đơn kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm cũng phải vào sổ nhận đơn kháng cáo để theo dõi. Tòa án cấp phúc thẩm phải ghi ngày, tháng, năm nhận đơn kháng cáo theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều này. Đồng thời, Tòa án cấp phúc thẩm

phải chuyển ngay đơn kháng cáo và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có) cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo để Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành các thủ tục cần thiết và gửi kèm hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 255 của BLTTDS và hướng dẫn tại Điều 10 của Nghị quyết này. Việc chuyển đơn kháng cáo cho Tòa án cấp sơ thẩm phải được ghi chú vào sổ nhận đơn để theo dõi. Tòa án cấp phúc thẩm phải thông báo cho người kháng cáo biết về việc đã nhận được đơn kháng cáo và chuyển đơn kháng cáo cho Tòa án cấp sơ thẩm để họ liên hệ với Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo thủ tục chung.

4. Sau khi nhận đơn kháng cáo do người kháng cáo nộp trực tiếp, Tòa án cấp sơ thẩm phải cấp ngay giấy báo nhận đơn kháng cáo cho người kháng cáo. Nếu Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo gửi qua bưu điện hoặc do Tòa án cấp phúc thẩm chuyển đến, thì Tòa án cấp sơ thẩm gửi ngay giấy báo nhận đơn kháng cáo để thông báo cho người kháng cáo biết.

5. Trường hợp người kháng cáo nộp hoặc gửi kèm theo đơn kháng cáo tài liệu, chứng cứ bổ sung để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp, thì việc giao nhận tài liệu, chứng cứ bổ sung do người kháng cáo nộp hoặc gửi kèm theo đơn kháng cáo được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về “Chứng minh và chứng cứ” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự”.

6. Trong trường hợp người kháng cáo đến Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm trình bày trực tiếp về việc kháng cáo, thì Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm giải thích cho họ biết là theo quy định tại Điều 243 của BLTTDS thì người kháng cáo phải làm đơn kháng cáo, để họ tự mình làm đơn kháng cáo hoặc ủy quyền cho người khác kháng cáo.

Điều 4. Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị quy định tại Điều 245 và Điều 252 của BLTTDS

1. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là ngày tiếp theo của ngày được xác định. Ngày được xác định là ngày Tòa án tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm hoặc là ngày bản án sơ thẩm được giao hoặc được niêm yết đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

2. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn kháng nghị bản án sơ thẩm là ngày tiếp theo của ngày được xác định. Ngày được xác định là ngày Tòa án tuyên án, trong trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa sơ thẩm hoặc là ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án sơ thẩm trong trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.